

TÀI CƠ CẤU NỀN KINH TẾ VN

Giải pháp “đột phá mới” nhằm ổn định và tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững

GS.TS. CHU VĂN CẬP

Học viện CT-HCQG Hồ Chí Minh

& TS. NGUYỄN ĐÌNH HIỀN

Đại học Quy Nhơn

1. Sự cần thiết phải tái cơ cấu nền kinh tế

Những yếu kém của nền kinh tế VN thể hiện rõ nhất:

(1) Chất lượng tăng trưởng thấp. Hiệu quả sử dụng các nguồn lực thấp và chậm được cải thiện. Hiệu quả đầu tư thấp và ngày càng có xu hướng giảm sút (hệ số ICOR của nền kinh tế ngày càng cao). Năng suất lao động tuy có tăng lên trong những năm qua, nhưng vẫn ở mức rất thấp so với các nước trong khu vực và thế giới. Đóng góp của các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế thấp và có xu hướng giảm sút.

(2) Cơ cấu kinh tế (CCKT) chậm chuyển dịch theo hướng hợp lý và hiệu quả: Tỷ trọng nông nghiệp trong GDP hiện còn chiếm trên 20%, tỷ trọng của dịch vụ/GDP chỉ chiếm 39% và hầu như không thay đổi trong 10 năm gần đây; tỷ trọng ngành công nghiệp và xây dựng chiếm từ 42%-45% GDP, nhưng điều đáng nói là cho đến nay vẫn thiếu vắng nhiều

Sau hai thập kỷ tăng trưởng nhanh và ổn định, kể từ năm 2007 đến nay, nền kinh tế VN đã bộc lộ nhiều khó khăn, yếu kém và suy giảm, một mặt tác động của khủng hoảng tài chính và suy giảm kinh tế toàn cầu 2008-2009, những ảnh hưởng tiêu cực của nó đã làm bộc lộ những yếu kém của nền kinh tế VN. Mặt khác, khả năng tăng trưởng kinh tế theo mô hình dựa chủ yếu vào vốn đầu tư (chủ yếu là vốn đầu tư nước ngoài), lao động rẻ, chất lượng thấp và nặng về khai thác tài nguyên ... đã tới giới hạn và bộc lộ những hạn chế, yếu kém, thậm chí cả những sai lầm. Bài viết phân tích và trình bày nguyên nhân và những giải pháp cần thiết để tái cơ cấu nền kinh tế VN.

Từ khóa: Kinh tế VN, tái cơ cấu nền kinh tế, doanh nghiệp nhà nước, lợi ích nhóm.

ngành công nghiệp trung gian, đặc biệt là các công nghiệp phụ trợ, nên hầu hết các ngành công nghiệp của VN là ngành “công nghiệp gia công”. Cơ cấu trình độ công nghệ của các ngành công nghiệp lạc hậu và chậm đổi mới công nghệ.

(3) Nguồn nhân lực dồi dào, nhưng chất lượng thấp, thiếu hụt lao động chất lượng cao. Kết cấu hạ tầng kinh tế - kỹ thuật còn nhiều yếu kém. Những điều đó dẫn đến năng lực cạnh tranh quốc gia, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp VN và năng lực cạnh tranh của sản phẩm đều hết sức thấp kém.

(4) Môi trường và tài nguyên thiên nhiên của VN đang bị suy thoái nhanh chóng dưới áp lực tăng trưởng mạnh, tăng trưởng theo kế hoạch đề ra. Kết quả là không chỉ bị tụt hạng năng lực cạnh tranh quốc gia, mà VN còn liên tục bị giảm thứ hạng trong bảng xếp hạng sự thịnh vượng của các quốc gia đang phát triển (chỉ số WNI) do nhóm chuyên gia kinh tế thực hiện.

Trong bối cảnh ấy tái cơ cấu nền kinh tế (TCCKT) gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng (MHTT) đảm bảo nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững không chỉ là giải pháp mang “tính tình thế” trước mắt

nhằm khắc phục những yếu kém nội tại của nền kinh tế, đáp ứng đòi hỏi phát triển của đất nước, mà còn là giải pháp mang “tính chiến lược” lâu dài nhằm đổi mới MHTT theo hướng bền vững. Và còn là sự chủ động thích ứng với những thay đổi của bối cảnh quốc tế sau khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, mà nổi bật là:

- Sự phát triển nhảy vọt của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, hình thành nền kinh tế tri thức, sử dụng các công nghệ tiết kiệm nguyên liệu, năng lượng, thân thiện với môi trường, phát triển kinh tế xanh. Đây là động lực chủ yếu làm thay đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu thị trường thế giới, thúc đẩy quá trình cải cách, tái cơ cấu kinh tế (TCCKT) ở mỗi nước cũng như sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế giữa các nước.

- Toàn cầu hóa và liên kết kinh tế ngày càng sâu rộng, thúc đẩy quá trình quốc tế hóa sản xuất và phân công lao động quốc tế, hình thành mạng lưới sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu.

- Sự thay đổi về quan điểm phát triển và đặt vấn đề phát triển ngang tầm với vấn đề an ninh. Trong xu thế toàn cầu hóa ngày càng gia

tăng, sự ổn định, an ninh của mỗi quốc gia sẽ ngày càng gắn chặt với sự phát triển kinh tế của chính quốc gia đó. Nền kinh tế không phát triển thì không có an ninh và ổn định chính trị - xã hội. Càng ngày người ta càng nhận ra rằng sự lạc hậu về trình độ phát triển khoa học - công nghệ và kinh tế là mối đe dọa vô hình đối với tương lai của mỗi quốc gia và đảm bảo phát triển ổn định, bảo vệ môi trường, đấu tranh ngăn ngừa sự thay đổi khí hậu toàn cầu có ý nghĩa quan trọng đối với sự thịnh vượng của nền kinh tế toàn cầu trong tương lai. Hiện nay một đất nước không phát triển thì có thể bị gạt ra ngoài rìa nền kinh tế thế giới và khó có thể thay đổi cục diện lạc hậu trong tương lai.

2. Nội dung, giải pháp tái cơ cấu kinh tế

TCCKT chính là sự thay đổi tương quan giữa các bộ phận trong nền kinh tế nhằm nâng cao hiệu quả của nền kinh tế. Mục đích của TCCKT là thay đổi CCKT theo hướng tiến bộ đảm bảo cho nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững. Về bản chất, TCCKT là phân bổ lại nguồn lực trong nền kinh tế giữa các bộ phận sao cho nguồn lực được sử dụng có hiệu quả nhất.

TCCKT phải nhằm chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế (MHTT) và chuyển đổi MHTT đòi hỏi phải TCCKT cho phù hợp với MHTT mới. Chuyển đổi MHTT chính là mục tiêu của TCCKT trong dài hạn. Nếu TCCKT không kéo theo thay đổi MHTT thì TCCKT coi như không thành công.

Đảng và Nhà nước ta đã xác định mục tiêu tổng quát của TCCKT đến năm 2020 là nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực xã hội, nâng cao năng suất lao động, năng suất các nhân tố tổng hợp và nâng cao

năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, trên cơ sở đó hình thành CCKT hợp lý và năng động hơn, có năng lực cạnh tranh cao hơn và có tiềm năng tăng trưởng lớn hơn, thúc đẩy chuyển đổi MHTT từ chiều rộng sang chiều sâu, góp phần đạt được các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội mà Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020 đã xác định.

TCCKT có phạm vi rộng và phức tạp, nó bao gồm: tái cơ cấu ngành kinh tế (nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ); tái cơ cấu vùng kinh tế, tái cơ cấu thành phần kinh tế, tái cơ cấu thể chế, cơ chế vận hành và hệ thống quản trị vĩ mô. Đảng và Nhà nước ta đã xác định 3 nội dung ưu tiên của TCCKT gắn với đổi mới MHTT trong kế hoạch 5 năm 2011-2015 là “cơ cấu lại đầu tư mà trọng tâm là đầu tư công, cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước (DNNN) mà trọng tâm là các tập đoàn kinh tế (TĐKT) và tổng công ty nhà nước (TCTNN). Cơ cấu lại thị trường tài chính với trọng tâm là cơ cấu lại hệ thống ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng”¹. Với nội dung, biện pháp cụ thể:

(+) Đối với tái cơ cấu DNNN

- Xác định rõ vai trò của DNNN: Các DNNN là lực lượng nòng cốt của kinh tế nhà nước đi đầu trong hệ thống doanh nghiệp VN và cạnh tranh bình đẳng với các loại hình doanh nghiệp khác. DNNN tiên phong đi trước, mở đường ở các ngành, các lĩnh vực mà các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác không muốn làm hoặc làm không được khi đã tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ từ phía nhà nước,, những ngành đòi hỏi vốn lớn, công nghệ hiện đại, công nghệ cao tạo nên tầng cơ bản cho những ngành

¹ Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba BCH Trung ương Đảng, khóa XI, tháng 10/2011.

sản xuất với công nghệ tiên tiến, hiện đại, giá trị gia tăng cao.

- Tăng tốc độ cổ phần hóa các DNNN không cần nắm giữ 100%, kể cả các TĐKT, TCTNN. Vấn đề không chỉ nằm ở cổ phần hóa, mà còn liên quan đến: (i) Cải cách hệ thống quản trị DNNN, xây dựng cơ chế giám sát, đánh giá kết quả hoạt động đối với các DNNN, TĐKT, TCTNN thuộc diện cần nắm giữ 100% vốn nhà nước và các DNNN, TĐKT, TCTNN không cần nắm giữ 100% vốn nhà nước nhưng chưa hoàn thành cổ phần hóa; và (ii) Áp dụng kỷ luật thị trường cạnh tranh đối với các DNNN, quy trách nhiệm rõ ràng và tách các doanh nghiệp hoạt động công ích, hoạt động vì mục tiêu phi lợi nhuận ra khỏi hoạt động kinh doanh.

(+) Tái cơ cấu đầu tư: Thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, nhưng cần tập trung vào các giải pháp quan trọng: (1) Chính phủ đổi mới mạnh mẽ cơ chế phân bổ vốn đầu tư, cân đối vốn đầu tư theo kế hoạch, trung hạn; (2) Nâng cao chất lượng quy hoạch, làm căn cứ xây dựng kế hoạch đầu tư; (3) Hoàn thiện cơ chế phân cấp đầu tư đảm bảo quản lý thống nhất của Trung ương ... và (4) Kiên quyết thực hiện “ba không”: Không đầu tư vào những ngành vì lợi nhuận đơn thuần, không đầu tư vào những ngành vì địa tô đơn thuần và không đầu tư tạo ra các doanh nghiệp cạnh tranh không bình đẳng với các doanh nghiệp thành phần khác cùng ngành, cùng lĩnh vực.

(+) Tái cơ cấu thị trường tài chính mà trọng tâm là hệ thống ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng với mục tiêu tổng quát: lành mạnh hóa hệ thống, tăng “sức khỏe” của hệ thống ngân hàng và các tổ chức tín dụng, cần hướng vào các biện pháp trọng tâm: (i)

Xử lý cục “máu đông” - nợ xấu (270.000 tỷ đồng) của hệ thống ngân hàng thương mại một cách công khai, minh bạch; (ii) Đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với thị trường chứng khoán; thị trường bất động sản, thị trường tiền tệ ...; (iii) Cải thiện quản trị ngân hàng, áp dụng các chuẩn mực kế toán quốc tế, tăng cường tính minh bạch, nâng cao chất lượng các dịch vụ ngân hàng; và (iv) Hoàn thiện tiêu chí quản lý dịch vụ ngân hàng của các tổ chức tín dụng, tăng cường giám sát và kiểm tra, xử lý nghiêm trọng các vi phạm, bảo đảm an toàn hệ thống.

TCCKT với các nội dung biện pháp như trên chỉ là giải pháp tình thế, có ý nghĩa như là “đột phá mới” nhằm ổn định nền kinh tế, lấy lại đà tăng trưởng kinh tế trước đây, chứ chưa thể thay đổi MHTT theo hướng chuyển từ phát triển theo chiều rộng sang phát triển theo chiều sâu.

* Để thay đổi MHTT, TCCKT cần có nhiều nội dung khác, tập trung vào tái cơ cấu ngành kinh tế, nâng cao trình độ khoa học – công nghệ, hình thành các ngành công nghệ mũi nhọn, công nghệ cao, đây là mục tiêu dài hạn của TCCKT, thực hiện song song với các nội dung tái cơ cấu “3 lĩnh vực chính. Tái cơ cấu ngành kinh tế theo phương hướng: giảm nhanh tỷ trọng nông - lâm - ngư nghiệp, tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp trong nền kinh tế quốc dân; chuyển dịch nội bộ các ngành, nhóm ngành theo hướng từ năng suất thấp lên năng suất cao, từ trình độ công nghệ lạc hậu lên trình độ công nghệ hiện đại; gia tăng hàm lượng tri thức, hàm lượng giá trị gia tăng trong sản phẩm hàng hóa, dịch vụ.

* Tái cơ cấu nền kinh tế gắn với đổi mới MHTT phải đẩy mạnh hội

nhập quốc tế.

Sau 5 năm VN gia nhập WTO, hội nhập quốc tế cho phép tạo ra những “xung lực” lớn, cũng như thu hút được nhiều nguồn lực bên ngoài cho quá trình phát triển của đất nước. Chủ động, nghiêm chỉnh thực hiện các cam kết WTO, tích cực xây dựng khu vực thương mại tự do ASEAN (AFTA), khu vực mậu dịch tự do ASEAN – Trung Quốc (CAFTA), các hiệp định thương mại tự do khác, tham gia tích cực vào xây dựng cộng đồng ASEAN ... là điều kiện tốt để TCCKT gắn với đổi mới MHTT ở VN.

Trong những năm qua, thực hiện chủ trương TCCKT của Đảng và Nhà nước ta với 3 lĩnh vực chính như nêu ở trên đã tạo được sự đồng thuận cao trong xã hội. Quá trình TCCKT đã có những “khởi động” và có những kết quả ban đầu. Tuy vậy, do TCCKT có phạm vi rộng và phức tạp, nên đến nay, có thể nói chúng ta chưa bắt tay “thực sự” vào quá trình TCCKT. Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng trong phát biểu kết luận Hội nghị lần thứ ba Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI đã nói: “Việc thực hiện các chủ trương của Đại hội XI về đổi mới MHTT, cơ cấu lại nền kinh tế còn chậm”.

3. Những điều kiện cần thiết để thực hiện giải pháp

Thứ nhất, đổi mới tư duy.

Để TCCKT thành công phải khắc phục “tư duy nhiệm kỳ” và tư duy “chạy theo số lượng, coi nhẹ chất lượng”, đây là trở ngại không nhỏ trong bối cảnh chạy theo thành tích, “tư duy quán tính” đuổi theo tốc độ và cách thức tăng trưởng theo bề rộng ... vẫn còn khá phổ biến ở các cấp, các ngành, các địa phương. Mục tiêu của TCCKT là

thay đổi CCKT theo hướng nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế, do đó phải có tầm nhìn dài hạn, tránh chạy theo những mục tiêu, những thành tích trước mắt, sa vào xử lý sự vụ, vụn vặt mà quên cái tổng thể lâu dài. TCCKT đòi hỏi phải thay đổi tư duy về MHTT, về DNNN, về cơ chế quản lý. Đồng thời phải vượt qua “sức ỳ” của bộ máy nhà nước và DNNN, sức ỳ của CCKT và MHTT cũ. Bộ máy nhà nước đã quen với cách làm cũ, tình trạng quan liêu, thiếu trách nhiệm, nói nhiều làm ít, nói mà không làm, “trên bảo dưới không nghe” vẫn còn hiện hữu, tham nhũng đang là “quốc nạn”. Các doanh nghiệp cũng quen cách làm cũ: cơ hội, kinh doanh “chộp giật”, dựa nhiều vào quan hệ để kinh doanh hơn là dựa vào năng lực công nghệ, tăng năng suất lao động và kỹ năng kinh doanh ...

Thứ hai, không để “lợi ích nhóm” và “nhóm lợi ích” chi phối.

Một vấn đề không thể né tránh, không thể bỏ qua khi tiến hành các biện pháp TCCKT là “lợi ích nhóm” và sự chi phối của “nhóm lợi ích” tiêu cực. “Lợi ích nhóm” cản trở TCCKT. Xét cho cùng, TCCKT được thực hiện triệt để sẽ động chạm đến “lợi ích nhóm” và “nhóm lợi ích” tiêu cực, mà bản chất của nó là một nhóm nhỏ có quyền lực và vị thế nhất định cấu kết với nhau nhằm tác động lên các cơ quan nhà nước để có được các cơ chế, chính sách, pháp luật ... có lợi cho mình. Đó có thể là vị thế độc quyền các quyền tiếp cận tín dụng, đất đai, tài nguyên, khoáng sản, tiếp cận các hợp đồng của nhà nước ... để mưu cầu các lợi ích cho các thành viên trong nhóm nhưng lợi ích này đi ngược với lợi ích quốc gia, làm tổn hại đến lợi

ích chính đáng của đại đa số người dân. Sự thành công hay thất bại của TCCKT phụ thuộc rất lớn vào việc chúng ta có quyết tâm “đẹp” các “lợi ích nhóm” và “nhóm lợi ích” tiêu cực hay không? Bởi tác động của chúng có thể ảnh hưởng đến việc hoạch định, quy hoạch, kế hoạch, chính sách hoặc có thể ảnh hưởng đến việc thực thi thể chế, chính sách... bằng cách lái thể chế, chính sách hoặc quá trình thực thi sang hướng có lợi cho một nhóm lợi ích nào đó. Tác động này không chỉ ảnh hưởng phá vỡ các quy hoạch, kế hoạch và việc hình thành CCKT hợp lý phù hợp với MHTT mới, mà còn gây ra những lãng phí to lớn đối với các nguồn lực của đất nước, mà kẻ hưởng lợi chính là các “nhóm lợi ích” tiêu cực.

Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã phát biểu khi kết luận Hội nghị lần thứ ba Ban chấp hành Trung ương Đảng, khóa XI, ngày 10-10-2011 như sau: Chiến lược, quy hoạch và chính sách đầu tư phải có tầm nhìn xa không bị tư duy nhiệm kỳ, tư duy cục bộ, bệnh thành tích, chủ quan, duy ý chí hay lợi ích nhóm chi phối.

Thứ ba, TCCKT gắn liền với đổi mới MHTT đòi hỏi phải phát triển các nguồn lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, tập trung vào:

- Đổi mới toàn diện và phát triển nhanh giáo dục và đào tạo. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ hoạch định chiến lược, chính sách, kế hoạch, quy hoạch để đảm bảo cho chiến lược, chính sách, quy hoạch... được xây dựng có cơ sở khoa học và có tính khả thi.

- Phát triển khoa học và công nghệ, đặc biệt là những ngành khoa học phục vụ cho các ngành công nghệ mũi nhọn, các ngành công nghệ công nghệ cao, có giá trị gia

tăng lớn làm nền tảng cho TCCKT và đổi mới MHTT, làm nền tảng cho nền kinh tế tri thức. Đẩy nhanh việc nghiên cứu phát triển, ứng dụng công nghệ, phát triển hợp lý, đồng bộ khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ.

Thứ tư, điều kiện có tính tiên quyết là có quyết tâm chính trị cao, đặc biệt là ở cấp cao của Đảng và Nhà nước

TCCKT gắn liền với đổi mới MHTT là công việc gian nan, phức tạp đòi hỏi phải có “sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đòi hỏi phải có ý chí và quyết tâm chính trị cao của Đảng và Nhà nước và cả hệ thống chính trị, nhất là quyết tâm chính trị của Đảng và Nhà nước.

Quyết tâm chính trị để xử lý các “quan hệ sở hữu chéo” trong hệ thống ngân hàng thương mại VN – nguyên nhân dẫn đến những rủi ro trong hệ thống, cũng như nợ xấu, khiến ứ đọng vốn, gây đình đốn sản xuất...

Quyết tâm chính trị để “giải phẫu” các DNNN theo hướng: nâng cao năng lực quản trị DNNN, sức cạnh tranh và sự minh bạch của DNNN. Muốn vậy phải xóa bỏ độc quyền kinh doanh, để các DNNN cạnh tranh bình đẳng với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác; có cơ chế giám sát chặt chẽ hoạt động sản xuất kinh doanh, có đầu mối cụ thể để quy trách nhiệm khi có việc xảy ra.

Một quyết tâm chính trị cao để sử dụng hiệu quả, minh bạch vốn đầu tư công. Bởi suy cho cùng, tình trạng lạm phát kéo dài ở nước ta có nguyên nhân là đầu tư dàn trải, chạy theo “thành tích ảo” và hiệu quả đầu tư công thấp●

(Xem tiếp trang 15)

1. Tính cấp thiết của vấn đề

Nhìn về sự phát triển toàn cầu, có thể thấy rằng năm 2012 được coi là một trong những năm kinh tế thế giới gặp khá nhiều khó khăn (Nguyễn, 2012). Khủng hoảng nợ công, các nền kinh tế mới nổi chưa có sức bật và chưa giữ được sự tăng trưởng như mong đợi, lạm phát của một số quốc gia gia tăng, tăng trưởng chung của kinh tế chậm lại, thất nghiệp tăng cao, sức mua hạn chế... là những điều đã xảy ra đối với nhiều khu vực trên thế giới trong năm qua. Riêng ở VN, nền kinh tế vĩ mô của chịu phải những ảnh hưởng không nhỏ từ tình trạng sức khỏe chung của thế giới. Thật vậy, đối với VN, nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2012 chính là ưu tiên kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì mức tăng trưởng một cách hợp lý gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và tái cơ cấu nền kinh tế, nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Theo thống kê của Bộ Tài chính (2012), cho đến thời điểm hiện nay, những tháng đầu năm 2013, những chỉ tiêu đã đạt được như tỷ giá hối đoái khá ổn định, cán cân cán thanh toán quốc tế có xu hướng thặng dư, lao động được giải quyết việc làm có tỷ trọng tăng, thu và chi ngân sách biến động trong ngưỡng cho phép, nợ công trong phạm vi kiểm soát. Đây được xem là những điểm đã đạt được trong bối cảnh khó khăn chung mà toàn cầu đang gặp phải (Christopher & Tamara, 2012).

Trong bối cảnh đó, với nhận định và ước tính về nền kinh tế vĩ mô của VN, năm 2013 sẽ là năm tiếp tục thực hiện theo những chính sách mà Đảng và nhà nước đã đưa ra, với mục tiêu tổng quát là tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô; kiềm chế lạm phát ở mức thấp, tăng